

Tư tưởng của J.P. Sartre về con người và đạo đức trong tác phẩm “Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản”

Trần Thị Diệu*

Nhận ngày 1 tháng 12 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 3 năm 2022.

Tóm tắt: Tác phẩm *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản* (Existentialism and Humanism), được Jean Paul Sartre (1905-1980) viết vào năm 1946 nhằm bảo vệ thuyết hiện sinh trước những phê phán của những người theo học thuyết Kitô, chủ nghĩa duy lý, đạo đức học chuẩn tắc. Bài viết tập trung phân tích quan niệm của Sartre về con người và đạo đức trong tác phẩm ấy. Đứng trên lập trường của chủ nghĩa hiện sinh, Sartre cho rằng con người hiện sinh có tính chủ thể, tức là chủ thể của mình, là con người “dự phóng”, dần thân và con người vì tha nhân. Quan niệm của Sartre về đạo đức được xoay quanh các phạm trù tự do, trách nhiệm, lo âu. Trong tác phẩm này, Sartre đã cho thấy rằng, xã hội đương thời đang làm tha hoá, phi nhân vị hóa con người, con người cần được trở lại với con người, cần được quyền tự lựa chọn và tự quyết định ý nghĩa cuộc sống.

Từ khoá: Đạo đức, hiện sinh, J.P. Sartre.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: The work *Existentialism and Humanism* was written in 1946 by Jean Paul Sartre (1905-1980) to defend existentialism against the criticisms of Christians, rationalism, normative ethics. The article focuses on analyzing Sartre's conception of man and morality in that work. From the stance of existentialism, Sartre believes that the existential man is subjective, that is, one person is his own master, a “projected”, committed person, and a person for others. Sartre's conception of morality revolved around the categories of freedom, responsibility, and anxiety. In this work, Sartre showed that contemporary society is corrupting, dehumanizing people, therefore people need to be returned to its nature, they need to have the right to choose and decide for themselves the meaning of life.

Keywords: Ethics, existence, J.P. Sartre.

Subject classification: Philosophy

* Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Email: dieutt@vnu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Chủ nghĩa hiện sinh là một trào lưu triết học ra đời ở Đức sau Chiến tranh thế giới thứ nhất và phát triển rầm rộ ở Pháp sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Chủ nghĩa hiện sinh là sự phản ứng lại những tiêu cực thái quá của chủ nghĩa duy khoa học, chủ nghĩa duy kỹ thuật, vì hai chủ nghĩa này đã đẩy con người đến tình trạng tha hoá, đã bỏ rơi, lãng quên thế giới nội tâm nơi con người. Chủ nghĩa hiện sinh chủ trương đưa con người trở lại với con người, làm cho con người được là chính mình, tôn trọng những suy tư nội tâm sâu sắc của con người về kiếp người, về giá trị và ý nghĩa đời người. Tuy nhiên, không phải ai cũng có cách hiểu đúng về chủ nghĩa hiện sinh, nhất là khi trường phái triết học này được du nhập vào Việt Nam lúc phong trào bài trừ tư tưởng tư sản lên cao. Nhiều người hiểu chủ nghĩa hiện sinh qua những biến tướng của chủ nghĩa hiện sinh. Trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay, nghiên cứu chủ nghĩa hiện sinh sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn một trào lưu triết học phương Tây để kế thừa những tinh hoa văn hoá nhân loại và làm giàu đời sống tinh thần và văn hoá Việt.

Jean Paul Sartre là đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa hiện sinh. Ông sinh ra ở Paris, sống trong bối cảnh xã hội có nhiều biến đổi bởi hai cuộc chiến tranh thế giới và chứng kiến tình cảnh con người bị khủng hoảng tinh thần sâu sắc. Sartre là một người theo chủ nghĩa hiện sinh vô thần. Ông đã dành nhiều suy tư về việc giải phóng con người để đưa lại tự do thực sự cho con người. Tư tưởng hiện sinh của Sartre được thể hiện trong nhiều tác phẩm như *Buồn nôn* (1938), *Tồn tại và Hư vô* (1943), *Ruồi* (1943), *Không lối thoát* (1944), *Những con đường tự do* (1945-1949), *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản* (1945), *Phê phán lý tính biện chứng* (1960), v.v.. Tác phẩm *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản* là một công trình triết học ngắn được ông thuyết trình trong một sự kiện văn học khá thời thượng ở Paris vào ngày 29 tháng mười năm 1945 tại Salle des Centraux. Tác phẩm này giúp nhiều người biết đến Sartre, hiểu chủ nghĩa hiện sinh theo nghĩa đích thực. Bài viết này phân tích quan điểm của Sartre về con người và đạo đức được trình bày trong tác phẩm đó.

2. Quan điểm của Sartre về con người

Thứ nhất, Sartre cho rằng con người là chủ thể của mình. Quan điểm cho rằng “hiện hữu đi trước bản chất” (J.P. Sartre, 2015, tr.28) là quan điểm trung tâm của chủ nghĩa hiện sinh, dù là chủ nghĩa hiện sinh vô thần hay là chủ nghĩa hiện sinh hữu thần. Sartre phân biệt con người với đồ vật. Theo ông, ở đồ vật thì “bản chất có trước hiện hữu”, một cuốn sách hay một con dao rọc giấy trước khi được “hiện hữu” (được tạo ra bởi người thợ thủ công) thì đã mang bản chất xác định. Hình ảnh và công dụng của chúng đã được quy định trước, đã tồn tại như một “ý niệm” trong óc của người thợ thủ công, và như vậy “sản xuất đi trước hiện hữu”. Ông viết: “với con dao thì bản chất - tức là toàn bộ các công thức chế tạo và các thuộc tính cho phép làm ra nó là định nghĩa nó - có trước sự hiện hữu; và như vậy, trước mặt tôi, sự hiện diện của một con dao nào đó hay một cuốn sách nào đó là được quy định” (J.P. Sartre, 2015, tr.29).

Sartre phê phán quan điểm của các nhà triết học duy tâm thế kỷ XVIII khi các nhà triết học này cho rằng “bản chất có trước hiện hữu”, “Thượng Đế là một Đấng Sáng tạo”. Theo Sartre, nếu Thượng Đế thực sự hiện hữu thì ngài cũng có thể tạo ra con người theo ý định bởi “ngài biết rõ những gì ngài đang sáng tạo” (J.P. Sartre, 2015, tr.30), nếu Thượng Đế thực sự hiện hữu thì Thượng Đế sẽ giống với “một người thợ siêu phàm”, “giống như người thợ chế tạo một con dao rọc giấy dựa theo một định nghĩa và một kỹ thuật” (J.P. Sartre, 2015, tr.30). Nếu thừa nhận có Thượng Đế sáng tạo thì tất cả thế giới trong đó có bản thân chúng ta sẽ được hiểu theo mô hình con dao.

Sartre cũng bác bỏ quan niệm của các nhà triết học duy vật thế kỷ XVIII dù các nhà triết học này gạt bỏ “ý niệm Thượng Đế”. Theo Sartre, các nhà triết học duy vật thế kỷ XVIII thừa nhận “bản chất có trước hiện hữu”, bản chất con người có tính “phổ quát”, “Con người là kẻ sở hữu một bản tính người (nature humaine), bản tính người này được tìm thấy ở tất cả mọi người” (J.P. Sartre, 2015, tr.31). Quan niệm cho rằng “bản chất có trước hiện hữu” có ở cả triết học của Diderot (1713-1784), Voltaire (1694-1778) và Kant (1724-1804). Đứng trên lập trường của chủ nghĩa hiện sinh vô thần, Sartre cho rằng, không có Thượng Đế sáng tạo, bản chất không thể đi trước hiện hữu, mà “hiện hữu đi trước bản chất”, nếu “Thượng Đế không hiện hữu, thì ít ra có một hữu thể nơi đó hiện hữu đi trước bản chất” và “hữu thể ấy chính là “con người”” (J.P. Sartre, 2015, tr.32). Con người trước hết phải hiện hữu, xuất hiện ra trong thế giới, sau đó mới tự định nghĩa mình. Con người trước hết là “hư vô”, không thể định nghĩa được. Không có bản tính người chung như quan niệm của các nhà triết học duy vật thế kỷ XVIII, “vì rằng con người là tự do và không có bất cứ một bản tính con người nào khác để tôi có thể đặt nền tảng trên đó” (J.P. Sartre, 2015, tr.56). Cũng không có chuyện Thượng Đế quy định bản tính của con người như quan niệm của các nhà triết học duy tâm thế kỷ XVIII. Con người là những gì do chính con người tạo nên và tự quyết định tương lai của mình thông qua những “dự phóng”. “Con người không là gì khác ngoài những gì mà nó tự tạo nên” (J.P. Sartre, 2015, tr.33). Quan điểm về con người như vậy là nguyên tắc đầu tiên, cũng là nguyên tắc trung tâm của chủ nghĩa hiện sinh.

Thứ hai, Sartre cho rằng chỉ “con người phát hiện ra con người”. Sartre đồng ý với quan điểm của Francis Ponge (1899-1988) khi ông này cho rằng “Con người là tương lai của con người” (J.P. Sartre, 2015, tr.45-46). Tuy nhiên, Sartre không cho rằng, tương lai đó của con người là sự ký thác nơi thiên đường, và Thượng Đế đã nhìn thấy tương lai ấy. Sartre cho rằng, tương lai đó của con người do chính mỗi con người thực hiện, “con người không là gì khác ngoài đời sống của chính mình” (J.P. Sartre, 2015, tr.60), con người không là gì khác ngoài một loạt những công việc mà họ đảm nhận, “con người là những gì anh ta làm”. Dù mỗi con người có xuất hiện ra như thế nào thì con người vẫn có một tương lai vụn nguyên đang chờ đón mình bởi con người là một hiện hữu, muốn thực hiện sự hiện hữu của mình con người phải thông qua các “dự phóng”. Con người “trước hết là một dự phóng đang được sống về mặt chủ thể, thay vì là một thứ rêu, một thứ nấm mốc hay một cây súp - lơ” (J.P. Sartre, 2015, tr.33). Dự phóng là đặc ân chỉ có ở con người, chứ không có ở con vật, bởi chỉ có con người mới có ý thức và phải luôn thực hiện những điều “nó dự định tồn tại”. Những điều “nó dự định tồn tại” không phải là những điều “nó muốn tồn tại”, bởi “muốn”

về thực chất đã đi sau những điều con người tự làm nên chính mình và con người có thể hoàn toàn lựa chọn cho mình được làm người theo một “kiểu người” nào đó hoặc có thể tự lựa chọn và quyết định cho mình một “bản chất”. Sartre viết: “Con người không là gì khác ngoài dự phóng của mình, nó chỉ tồn tại trong giới hạn nó hiện thực hoá bản thân, vì vậy con người không là gì khác ngoài toàn bộ các hành vi của mình, không có gì khác ngoài đời sống của nó” (J.P. Sartre, 2015, tr.58).

Thứ ba, Sartre cho rằng, con người hiện sinh là con người dần thân. Con người dần thân là một phạm trù cơ bản trong quan niệm về con người hiện sinh của Sartre. Con người lúc đầu là hư vô, “bị quăng vào thế giới”, bắt đầu sự hiện hữu của mình bằng một loạt những “dự phóng” để lựa chọn và xây dựng ý nghĩa cuộc đời của mình. Con người hiện sinh thì tự do lựa chọn, “tự do quyết định những gì mà con người sẽ là” (J.P. Sartre, 2015, tr.57). Cuộc sống của con người hiện sinh không bị lệ thuộc vào bất cứ ai, bất cứ điều gì, bởi “trên thực tế, mọi sự như thế nào là do con người quyết định” (J.P. Sartre, 2015, tr.57). Sự quyết định của mỗi con người hiện sinh hoàn toàn phụ thuộc vào mục đích, ý nghĩa, “dự phóng” mà mỗi người hiện sinh đặt ra cho mình. Đứng trước tình huống cần lựa chọn một trong hai việc gì đó của cuộc sống, người hiện sinh không khước từ sự lựa chọn, không chịu đựng, không chối bỏ lựa chọn, mà “phải tự dần thân”, phải đón nhận, phải đối diện với những điều có thể xảy ra phía trước với một tinh thần lạc quan, như một thử thách, để “hiện thực hoá bản thân” mình. Người hiện sinh không chối bỏ lựa chọn, không chối bỏ “dần thân”, càng không đổ lỗi cho hoàn cảnh khách quan bên ngoài tác động. Con người hiện sinh là con người hành động, “số phận con người là trong bản thân con người”. Số phận con người hiện sinh được tạo nên từ trong hành động của mỗi người hiện sinh. Hành động là “điều duy nhất cho phép con người sống” (J.P. Sartre, 2015, tr.64). Con người hiện sinh dần thân để hành động, để kiến tạo bản chất của mình. Suy tư về ý nghĩa cuộc đời của mình là đặc trưng của con người hiện sinh.

Thứ tư, Sartre cho rằng, con người hiện sinh là con người tha nhân. Theo Sartre, con người hiện sinh không phải là con người cá nhân, con người hiện sinh không đề cao cái tôi cá nhân “tính chủ thể cá nhân”, không quên mất tính cộng đồng, không quên mối quan hệ với tha nhân. Các nhà triết học duy vật trước đây sai lầm khi coi mọi người, kể cả cá nhân mình, như là tập hợp các phản ứng được quy định sẵn, quan niệm này không phân định được con người với các đồ vật như cái bàn, cái ghế hay một hòn đá. Theo Sartre, chủ thể tính của con người hiện sinh là một tập hợp các giá trị phân biệt với thế giới đồ vật, tính chủ thể của con người hiện sinh đã giúp con người hiện sinh không chỉ tự nhận ra chính mình mà còn nhận ra tất cả những người khác. Sartre viết rằng: “Trái với triết học của Descartes, đối lập với triết học của Kant, qua cái *Tôi tư duy* chúng ta tự mình đạt đến chính mình bằng cách đối diện với người khác và với chúng ta” (J.P. Sartre, 2015, tr.66), Sartre cho rằng ông đã phát hiện ra một thế giới có “tính liên chủ thể” (intersubjectivité), “trong thế giới ấy mà con người quyết định những gì mình là và những gì người khác là” (J.P. Sartre, 2015, tr.67). Theo chủ nghĩa hiện sinh, không giống thế giới các loài vật, thế giới của những con người hiện sinh không hiện hữu như một cá nhân đơn lẻ, mà hiện hữu với kẻ khác trong một cộng đồng những nhân vị. Con người hiện sinh không thể tự mình

trở thành một nhân vị hiện sinh nếu không sống với tha nhân, nếu không đặt mình trong mối quan hệ hay tương tác với người khác. Trong giới hạn đó, con người hiện sinh nhận ra những người khác là điều kiện cho sự hiện hữu của mình, con người hiện sinh không thể tồn tại nếu không được người khác thừa nhận. Sự tồn tại của tha nhân với tư cách là một hữu thể tự do giúp con người hiện sinh nhận thức được về mình và nhận thức được về người khác.

J.P.Sartre cho rằng, có những giới hạn mà con người không thể lựa chọn như gia đình, quê hương, có những giới hạn mà con người phải nhận thấy như tính tất yếu. Mỗi người phải nhận ra được bản thân trong những giới hạn của mình. Do đó, những dự phóng dù mang tính cá nhân cũng đều hàm chứa trong đó tính phổ quát, theo nghĩa mọi dự phóng đều có thể lĩnh hội với tất cả mọi người. Sự lựa chọn của cá nhân đã hàm chứa trong nó sự lựa chọn cho xã hội, do đó, trước mỗi lựa chọn con người hiện sinh phải đặt mình trong mối quan hệ với người khác, phải kiến tạo dự phóng của mình trong việc hiểu dự phóng của người khác.

3. Quan điểm của Sartre về đạo đức

Thứ nhất, Sartre cho rằng con người hiện sinh là con người tự do. Cùng với trách nhiệm, tự do là một trong hai phạm trù cơ bản trong quan niệm về đạo đức của triết học hiện sinh. Xuất phát từ quan niệm “hiện hữu có trước bản chất”, Sartre cho rằng, con người sinh ra đã có tự do, con người “bị kết án phải tự do” (J.P. Sartre, 2015, tr.44). Con người “bị kết án” bởi con người không tự tạo nên chính mình, nhưng mặt khác, con người “phải tự do” bởi vì khi “bị ném vào thế giới” con người phải lựa chọn và phải “chịu trách nhiệm về tất cả những gì mình đã làm”.

Sartre đồng ý với quan điểm của Dostoievsky (1821-1888), một đại văn hào Nga, cho rằng “Nếu Thượng Đế không hiện hữu, mọi sự đều được phép” (J.P. Sartre, 2015, tr.43) và coi đây là điểm xuất phát của chủ nghĩa hiện sinh. Không có một đạo đức định sẵn nào mà con người hiện sinh phải phục tùng theo. “Không có một thứ đạo đức phổ biến nào có thể chỉ cho anh những gì anh phải làm; không có một cung mệnh nào nơi thế gian này” (J.P. Sartre, 2015, tr.52), bởi không có Thượng Đế, không có những đạo đức mang tính khuôn mẫu mà con người phải theo, “không có bất cứ cái thiện tiên nghiệm nào”, không có ý thức vô hạn và hoàn hảo nào để con người phải suy tưởng về nó. Do đó, không tồn tại những khái niệm “cần phải trung thực”, “không được nói dối”, mà chỉ tồn tại con người trong mối quan hệ với con người. “Là người tự do, anh hãy lựa chọn, tức là anh hãy sáng tạo” (J.P. Sartre, 2015, tr.52). Do không có Thượng Đế, không có những đạo đức tiên nghiệm, con người không có một khả năng nào để “bám lấy”, không có một sự bào chữa nào cho mình, mà thực chất con người đã “bị quẳng vào thế giới” và đồng thời “con người bị bỏ rơi”, cho nên sẽ không có một bản tính con người “đông cứng” nào định sẵn, không có phạm trù đạo đức tất định nào mà con người hiện sinh phải theo. Sự tự do của con người hiện sinh là tuyệt đối, chỉ có con người hiện sinh mới có thể tự cứu mình, tự bào chữa

cho mình, tự lựa chọn và chịu trách nhiệm với những đam mê của mình, tự nhận ra, tìm thấy mình mà không có một quyền uy, một thế lực nào đứng bên trên để quyết định và chịu trách nhiệm hộ mình. Lựa chọn của mỗi người hiện sinh không chỉ bởi con người hiện sinh được tự do lựa chọn mà mỗi lựa chọn của con người hiện sinh còn phù hợp với giá trị, ý nghĩa, mục đích và những “dự phóng” con người hiện sinh đặt ra và đối diện với nó, không có một sự biện minh nào cho sự quyết định lựa chọn, mọi sự biện minh cho sự quyết định lựa chọn đều đánh mất tự do của mỗi người.

Thứ hai, Sartre cho rằng, con người hiện sinh “chịu trách nhiệm về chính mình” và “chịu trách nhiệm cho tất cả mọi người” (J.P. Sartre, 2015, tr.34). Theo Sartre, vì hiện hữu đi trước, hiện hữu là tính thứ nhất, bản chất là tính thứ hai nên con người hiện sinh phải “chịu trách nhiệm về những gì nó đang tồn tại”. Trước hết, con người hiện sinh phải chịu trách nhiệm về sự hiện hữu của mình, đặt mình vào việc chiếm lĩnh gì mình đang có. Con người hiện sinh được quyền tự do, tự do lựa chọn, tự do “dự phóng” cuộc đời của mình và hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự lựa chọn đó, không ai có thể thay thế con người hiện sinh trong việc lựa chọn và cũng không ai chịu trách nhiệm thay cho mỗi người hiện sinh trong sự lựa chọn của mình. Con người hiện sinh không rơi vào “chủ nghĩa chủ quan” (subjectivisme) vì “con người chịu trách nhiệm về chính mình”. Tuy nhiên, con người hiện sinh không chỉ nói đến “sự lựa chọn bản thân chủ thể cá nhân”, mà còn nói đến “tính bất khả của con người trong việc vượt qua tính chủ thể người” (J.P. Sartre, 2015, tr.35). Bởi con người hiện sinh là con người tồn tại trong tính “liên chủ thể”, nên khi con người hiện sinh lựa chọn, thì họ không chỉ dừng lại ở việc lựa chọn cho bản thân mà còn “lựa chọn cho tất cả mọi người”. Con người hiện sinh trước khi lựa chọn phải có trách nhiệm với sự lựa chọn của bản thân mình, bởi mỗi lựa chọn của mình có thể trở thành phổ quát cho tất cả mọi người. Mỗi con người hiện sinh có thể lựa chọn “tồn tại này hay tồn tại khác” nhưng không thể chọn những cái xấu, cái ác, mà chọn những điều tốt, những cái đẹp, cái thiện cho bản thân và cho tất cả mọi người. Con người hiện sinh là “con người tự mình lựa chọn bằng cách chọn lấy tất cả mọi người” (J.P. Sartre, 2015, tr.36). Trách nhiệm của con người hiện sinh lớn lao hơn nhiều, đó không chỉ là trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với tha nhân, mà còn là trách nhiệm với toàn thể nhân loại. Sartre viết: “nếu hiện hữu đi trước bản chất, và nếu chúng ta muốn hiện hữu cùng một lúc với việc chúng ta nhào nặn nên hình ảnh của mình, thì hình ảnh ấy có giá trị với tất cả mọi người và đối với toàn bộ thời đại chúng ta” (J.P. Sartre, 2015, tr.36).

Theo Sartre, con người hiện sinh không trốn tránh trách nhiệm, buộc phải gánh vác trách nhiệm, trước mỗi lựa chọn, con người hiện sinh đã thực hiện “hành vi cá nhân dẫn mình vào toàn thể nhân loại” (J.P. Sartre, 2015, tr.36). Con người hiện sinh có thể lựa chọn trong mọi hoàn cảnh, dựa vào hoàn cảnh, dựa vào sự đam mê hay ham muốn của mình để đưa ra quyết định lựa chọn như thế này hay thế khác, có thể lựa chọn những giá trị tốt đẹp hay hoang phí cho những điều nhỏ nhen, qua lựa chọn đó con người hiện sinh không chỉ cam kết với chính mình mà còn cam kết với toàn thể nhân loại về kết quả của sự lựa chọn cho dù sự lựa chọn đó như thế nào. Ví như nếu “muốn lập gia đình, có con cái” thì con người hiện sinh không chỉ cam kết với chính mình mà còn “cam kết với toàn thể nhân loại

đang trên con đường của chế độ một vợ một chồng” (J.P. Sartre, 2015, tr.37). Khi ta chọn kết hôn thì con người hiện sinh gắn mình với chế độ một vợ một chồng. Sartre nêu ra tình huống một chàng sinh viên Pháp phải đứng trước sự lựa chọn hoặc trốn sang Anh để tham gia cuộc kháng chiến chống phát xít đang chiếm đóng đất nước mình hoặc ở nhà để chăm sóc người mẹ già yếu mà anh ta là chỗ dựa duy nhất cho bà. Đứng trước lựa chọn ấy, không ai có thể khuyên bảo hay thuyết phục anh lựa chọn làm việc này và không làm việc kia, cũng không có đạo lý nào giúp hay bắt anh ta phải lựa chọn làm việc này và không làm việc kia, ngoại trừ sự tự quyết của chính anh ta. Sartre viết: “Nếu các giá trị là mơ hồ, và nếu chúng luôn quá rộng đối với trường hợp xác định và cụ thể mà chúng ta vừa xét, thì chúng ta chỉ còn trông cậy vào các bản năng của mình mà thôi” (J.P. Sartre, 2015, tr.49).

Con người hiện sinh là con người gánh vác trách nhiệm, trách nhiệm đầu tiên là trách nhiệm với những “sáng tạo” về hình ảnh con người mình đã chọn. Sartre viết: “khi chọn lấy chính tôi, tôi chọn con người” (J.P. Sartre, 2015, tr.37). Những kẻ trốn tránh trách nhiệm bằng cách này hay cách khác đều là những kẻ hèn nhát, “vì cái làm nên tính hèn nhát chính là hành vi chối bỏ hay nhượng bộ, tính khí không phải là hành vi” (J.P. Sartre, 2015, tr.62). Một người không được quy định sẵn các giá trị là người anh hùng hay là kẻ hèn nhát, quy định đầy đủ chỉ là do con người “tự tạo”. Trong thực tế, luôn luôn tồn tại một khả năng để xoá bỏ những cái mà con người đã “tự tạo”. Con người hiện sinh thực chất là con người hành động, “số phận của con người là trong bản thân con người” (J.P. Sartre, 2015, tr.64).

Thứ ba, Sartre cho rằng, con người hiện sinh là con người lo âu. Lo âu là một phạm trù đạo đức của chủ nghĩa hiện sinh. Theo Sartre, con người hiện sinh vì gánh vác trách nhiệm nên có cảm xúc lo âu đây không phải là cảm xúc tiêu cực mà là một cảm xúc tích cực. “Người hiện sinh sẵn sàng tuyên bố rằng con người là sự lo âu” (J.P. Sartre, 2015, tr.37). Lo âu tồn tại trong bất kỳ ai khi nhận thấy trách nhiệm lựa chọn của bản thân. Con người hiện sinh “bị quăng vào thế giới” và bắt đầu tự do lựa chọn cuộc đời mình thông qua những “dự phóng”, do đó, con người hiện sinh phải “dấn thân”. Khi dấn thân, con người hiện sinh nhận ra bản thân mình không chỉ là kẻ mà mình đã chọn để tồn tại mà đồng thời con người hiện sinh còn “ban bố luật đang lựa chọn” cho toàn thể nhân loại. Con người hiện sinh không thể chối bỏ cảm thức về trách nhiệm toàn diện, sâu xa của mình với tha nhân, với nhân loại, bởi hành động lựa chọn của mỗi con người hiện sinh cũng đồng thời là lựa chọn cho mọi người. Không có con người hiện sinh nào thoát khỏi cảm giác lo âu trước mỗi lựa chọn, cho dù họ có tìm cách “trốn tránh” lo âu bằng cách này hay bằng cách khác, sự trốn tránh đó chỉ là một sự “ngụy tín”, thực chất cảm thức lo âu của con người hiện sinh vẫn chế ngự họ. “Ngay khi giá trị ấy bị che giấu thì sự lo âu xuất hiện” (J.P. Sartre, 2015, tr.38). Con người hiện sinh luôn lo âu, suy tính để lựa chọn những “hành vi gương mẫu”, bởi họ luôn nhận thấy, trước mỗi lựa chọn của mình dường như toàn thể nhân loại đang theo dõi, “hướng mắt” vào những gì mình đang làm và họ cũng đang “noi theo” những gì mình đang làm. Đây là một cảm xúc lo âu thường trực mà bất cứ người có trách nhiệm nào đều có và mỗi người hiện sinh khi gánh vác trách nhiệm đều tự nhủ rằng: “Tôi có thực là người có quyền hành động đến nỗi nhân loại phải noi theo những hành vi của tôi không?” (J.P. Sartre, 2015, tr.40). Trách nhiệm nặng nề khi lựa chọn mình với một hiện hữu nào đó làm cho con người hiện sinh không thể lựa chọn một cách tùy tiện, tự phát, thiếu ý thức.

Lo âu và trách nhiệm gắn liền với nhau, lo âu là trạng thái cảm xúc của người gánh vác trách nhiệm, người có trách nhiệm luôn bị chế ngự bởi cảm xúc lo âu. Lo âu không phải là cảm xúc tiêu cực, tách khỏi hành động, chạy trốn hành động. Trái lại lo âu là “một phần của chính hành động”, là “trách nhiệm trực tiếp” đối diện trước những người khác về những “cam kết” từ sự lựa chọn của mỗi người. “Sự lo âu không phải là một tấm màn tách chúng ta ra khỏi hành động, mà là một phần của chính hành động” (J.P. Sartre, 2015, tr.41).

4. Kết luận

Trong tác phẩm *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản*, Sartre cố gắng chứng minh rằng, triết học hiện sinh không phải là một học thuyết tiêu cực, muốn phá huỷ tất cả gây sự nản lòng cho con người, đẩy con người vào những cảm xúc tiêu cực như “buồn nôn”, “tuyệt vọng”, v.v.. Quan điểm xuất phát của Sartre là “hiện sinh đi trước bản chất”, trên cơ sở đó, ông triển khai mối quan hệ giữa tự do, lựa chọn, quyết định và trách nhiệm. Theo ông, con người hiện sinh phải sống với cuộc sống đích thực cuộc đời của mình, luôn phải vươn tới cái mình “sẽ là” thông qua các “dự phóng” có lợi cho mình và cũng có lợi cho người khác. Mặc dù Sartre còn có quan điểm mang tính chủ quan và còn có những hạn chế nhất định khi quá đề cao con người hiện sinh với những tự do trong hiện tại, đề quá cao giá trị bản thân, đánh mất dòng chảy giá trị văn hoá cộng đồng, nhưng không thể phủ nhận rằng, trong tác phẩm *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản*, Sartre đã làm rõ hơn tình trạng của xã hội đương thời làm tha hoá con người và làm phi nhân vị con người, ông chủ trương đưa con người trở lại với con người, muốn con người được quyền tự lựa chọn và quyết định ý nghĩa cuộc sống.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thái Đình (2005), *Triết học hiện sinh*, Nxb Văn học, Hà Nội.
2. Nguyễn Hào Hải (2001), *Một số học thuyết triết học phương Tây hiện đại*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
3. Đỗ Minh Hợp (chủ biên), Trần Thị Diệu, Nguyễn Thị Như Huế, Phạm Thanh Tùng (2010), *Triết học hiện sinh*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
4. J.P. Sartre (2008), *Buồn nôn*, Phùng Thăng (dịch), Nxb Văn hóa Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.
5. J.P. Sartre (2015), *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản*, Đinh Hồng Phúc (dịch), Nxb Tri thức, Hà Nội.